

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Sản xuất kinh doanh Xuất nhập khẩu Bình Thạnh

Ngày 30/06/2025	17,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	6.0%	-1.7%	-

DT thuần Q2/25
129
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00 2.3%
YoY: ▼16.0 -11.1%

LN thuần Q2/25
-55.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▼61.5 -1108%
YoY: ▼43.5 -351%

LN sau thuế Q2/25
-71.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼73.8 -3513%
YoY: ▼75.5 -2011%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
-48.1%
YoY: +/- ▼ 52.3%

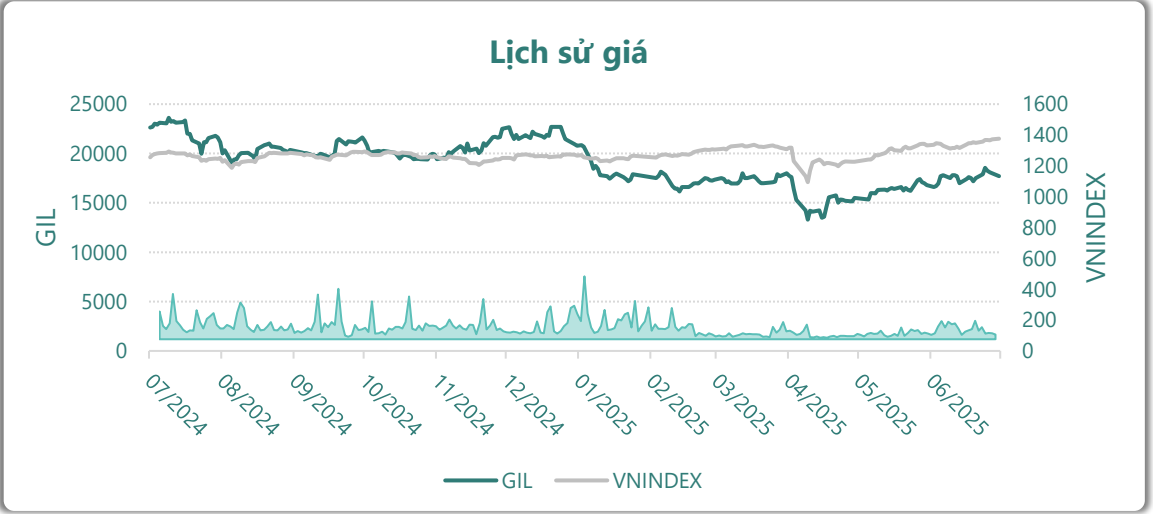
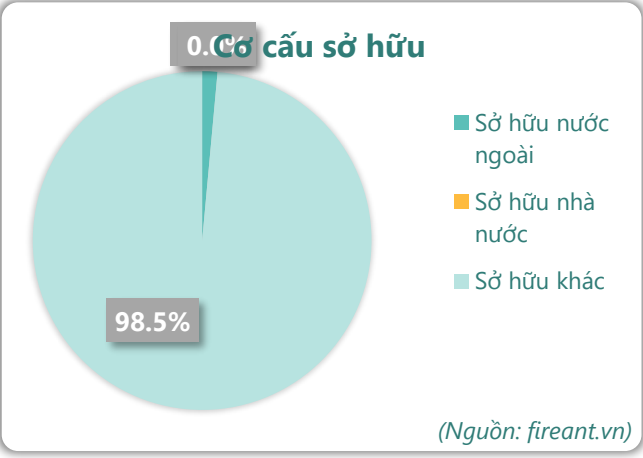
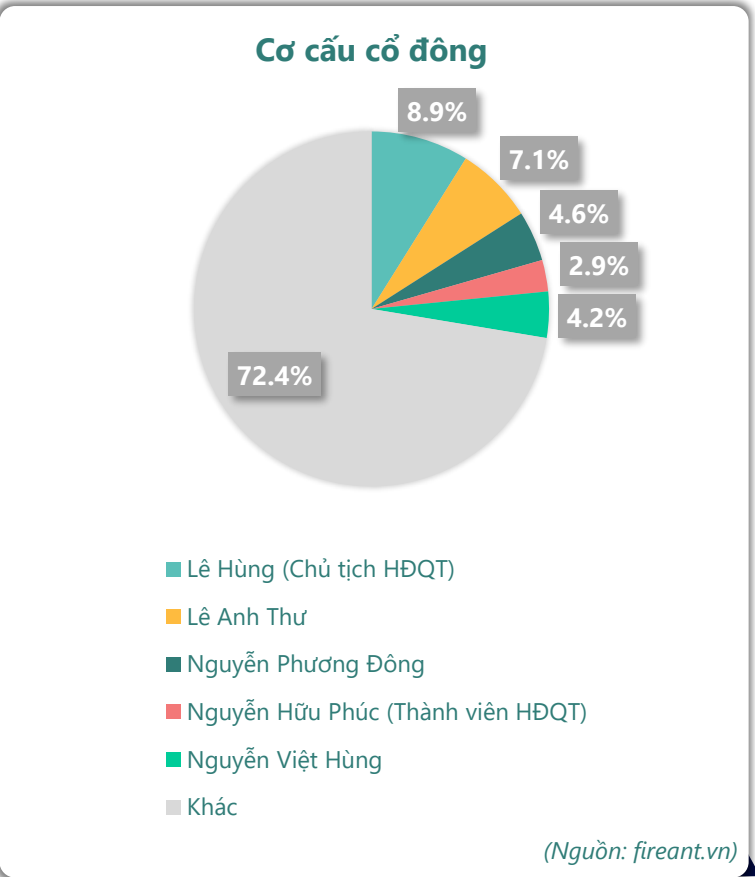
ROE (TTM) Q2/25
-2.0%
YoY: +/- ▼ 2.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	13,300 - 23,615
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,798
Số lượng CPLH (CP)	101,596,218
KLGD BQ 20 phiên (CP)	718,013
Sở hữu nước ngoài	1.5%
Beta	1.07
EPS	-499
P/E	-35.5

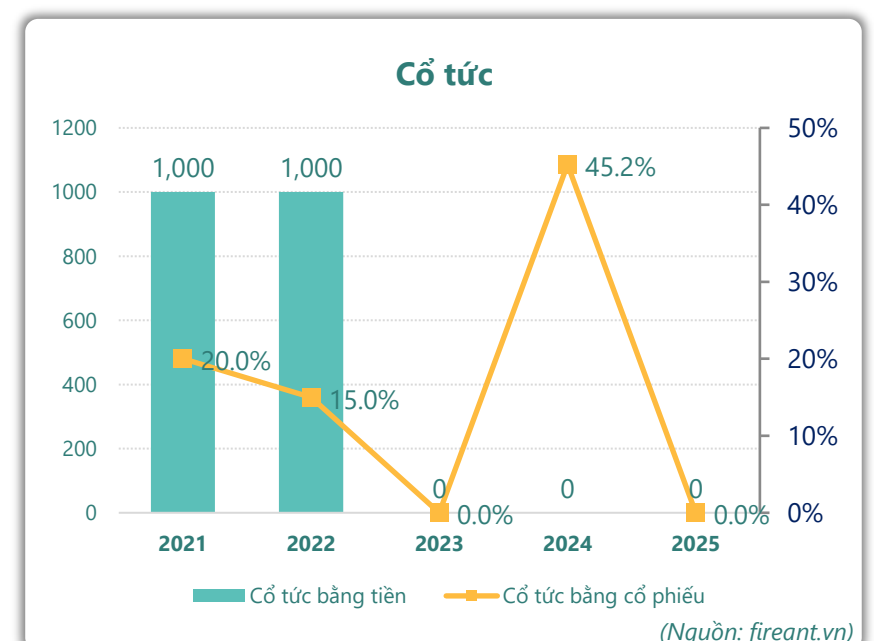
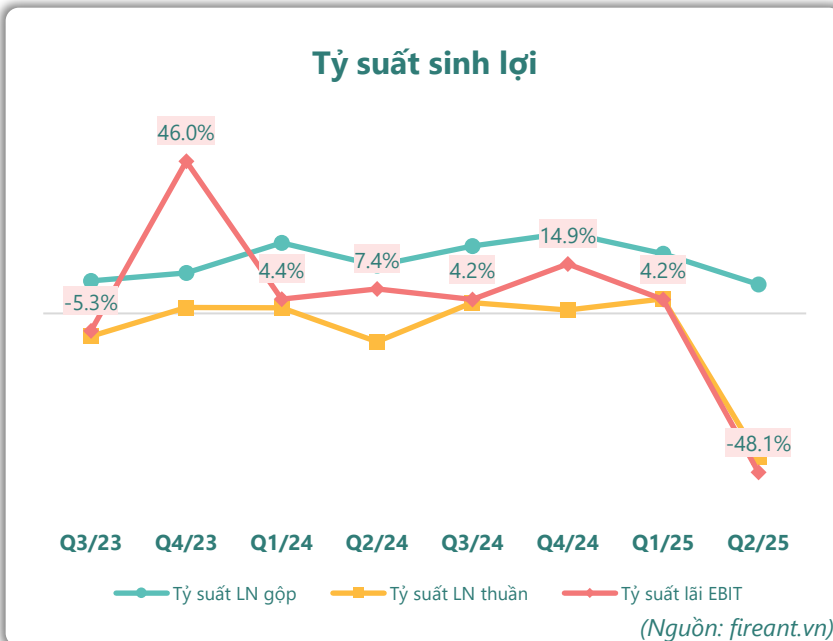
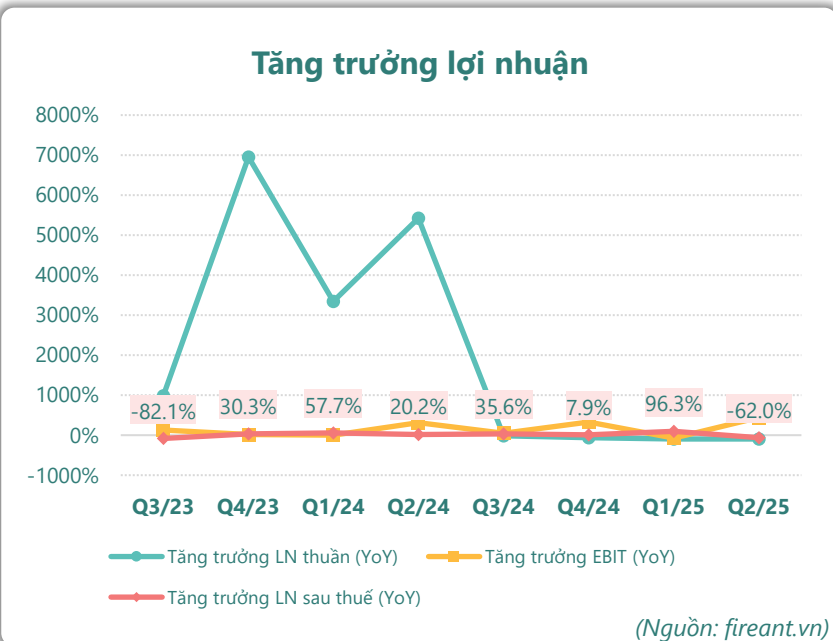
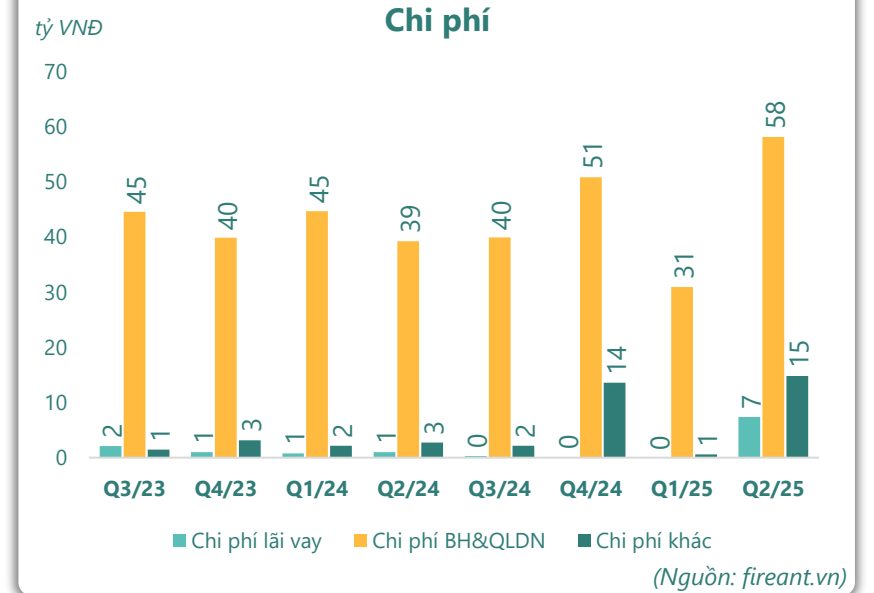
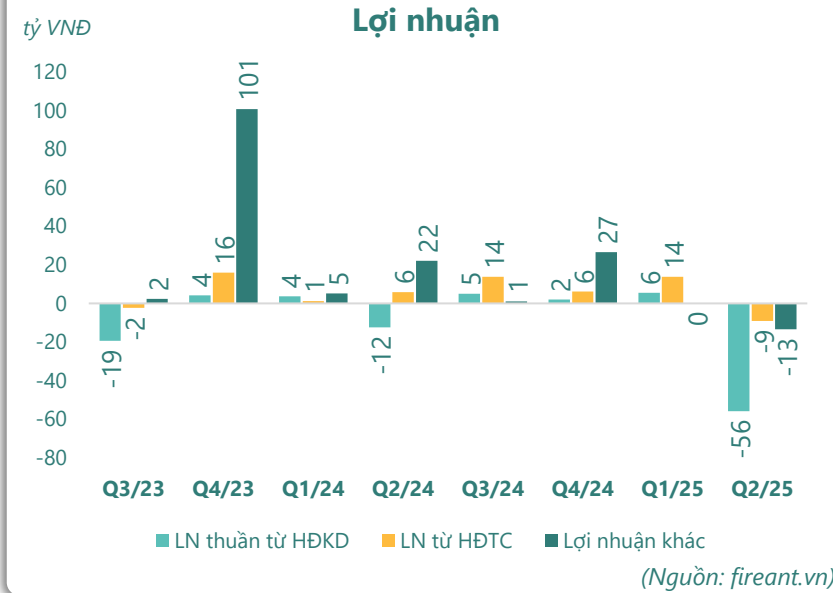
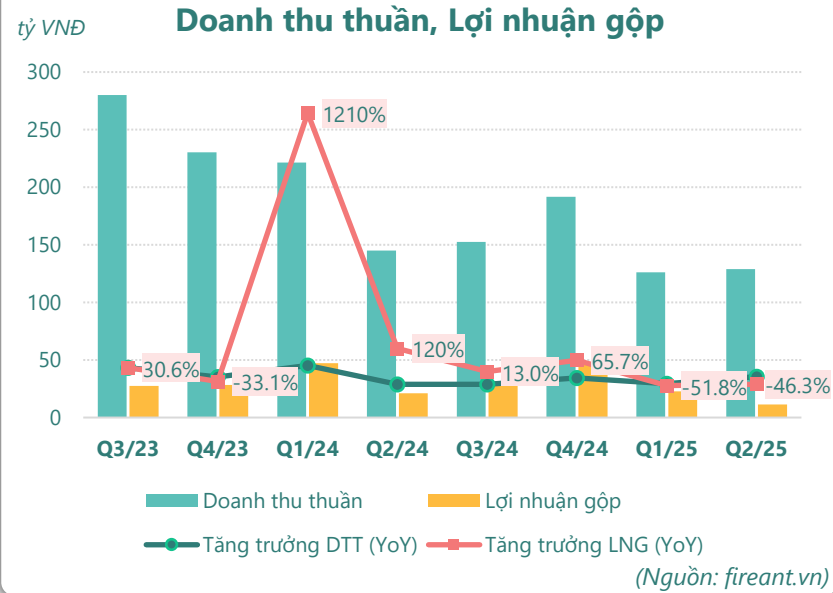
DT thuần 6T 2025
255
tỷ VNĐ
YoY: ▼112 -30.4%

LN thuần 6T 2025
-50.4
tỷ VNĐ
YoY: ▼41.8 -484%

LN sau thuế 6T 2025
-69.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼80.6 -734%



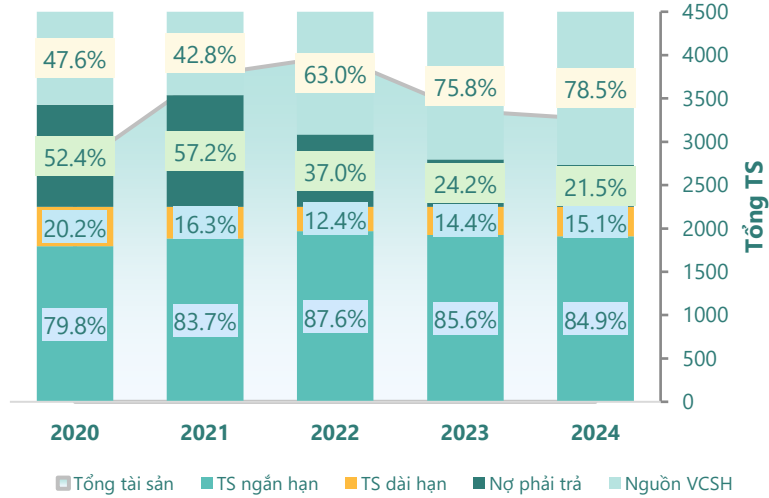
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

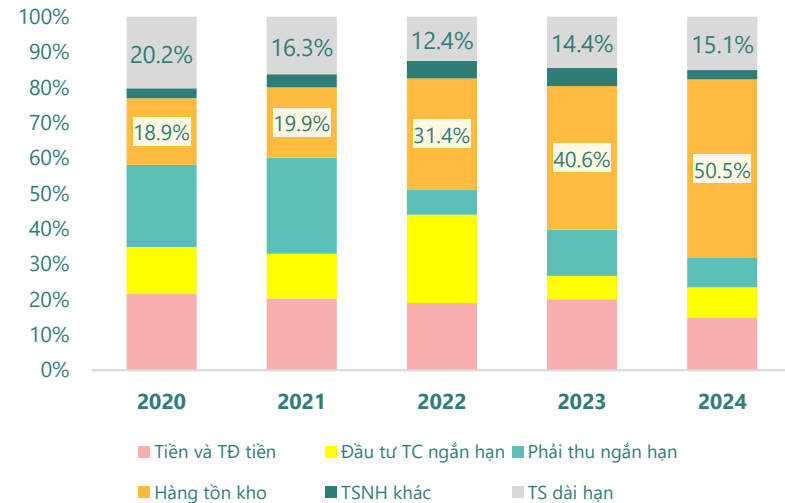
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

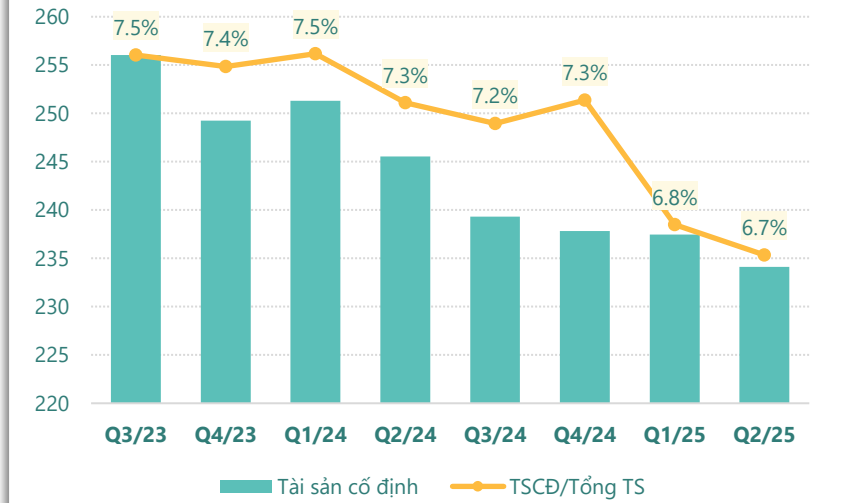
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

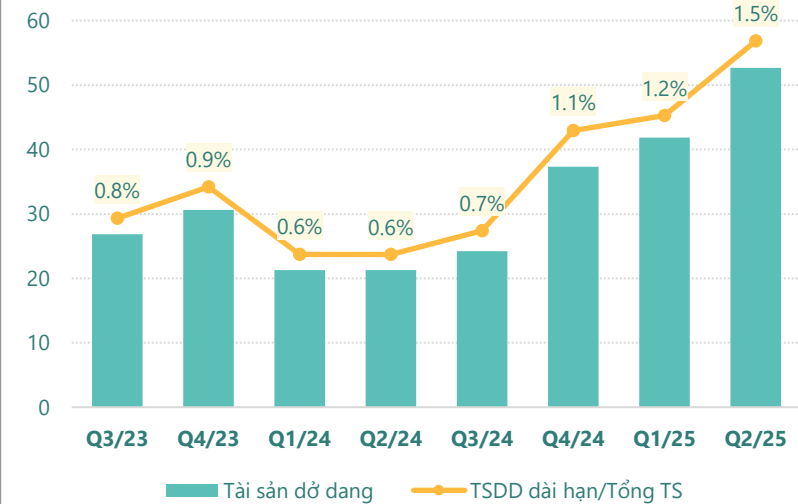
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

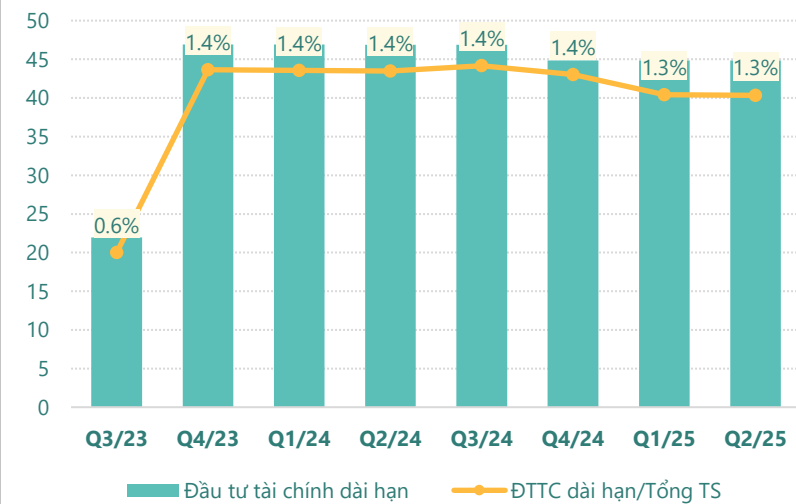
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

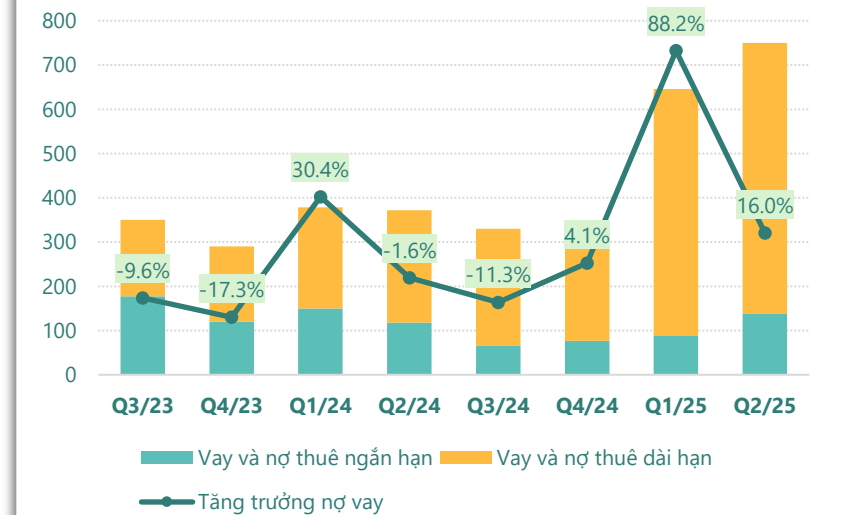
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

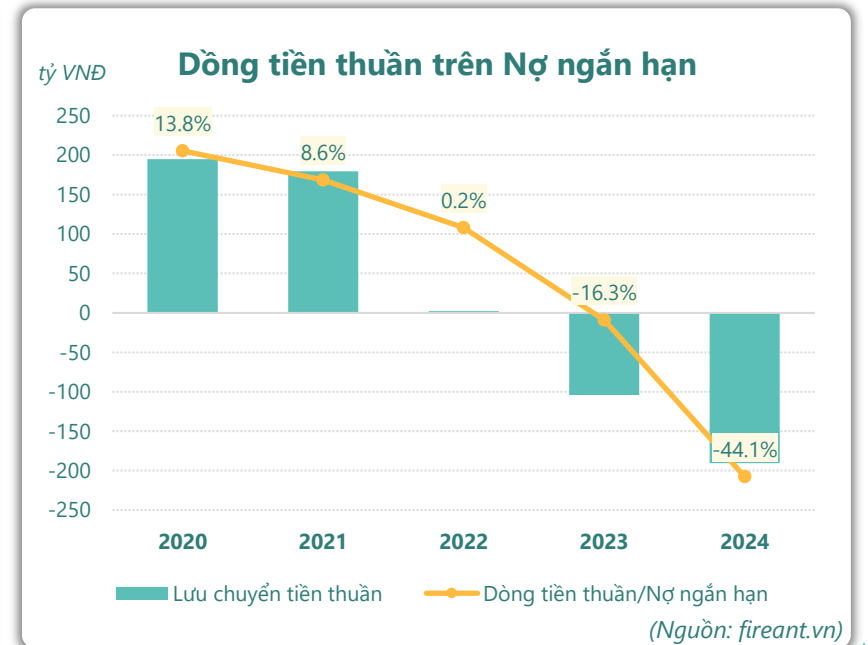
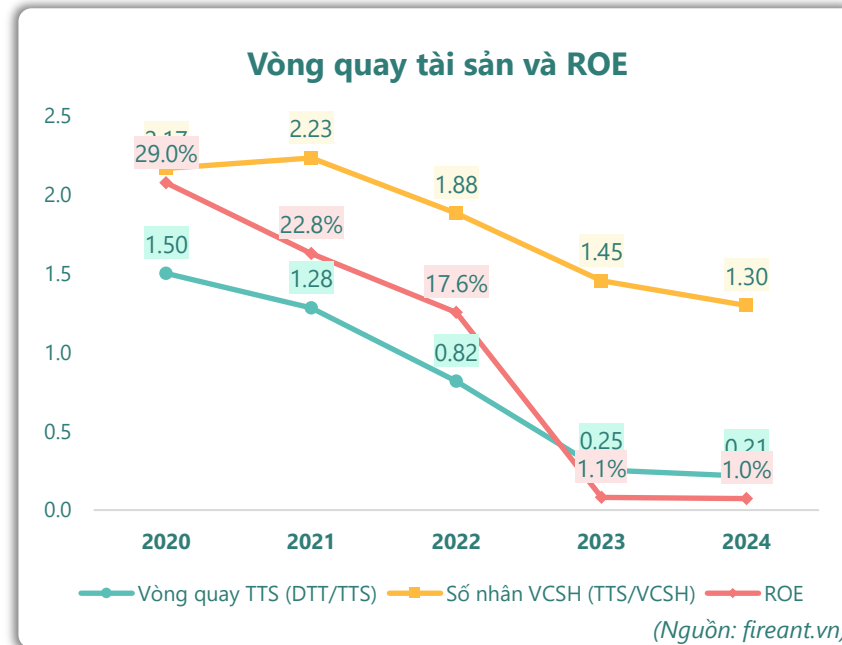
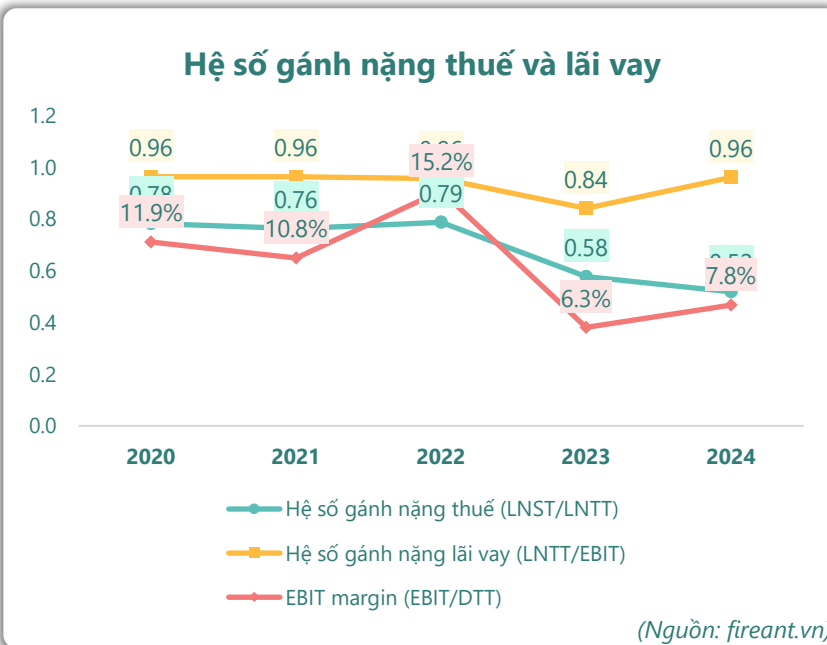
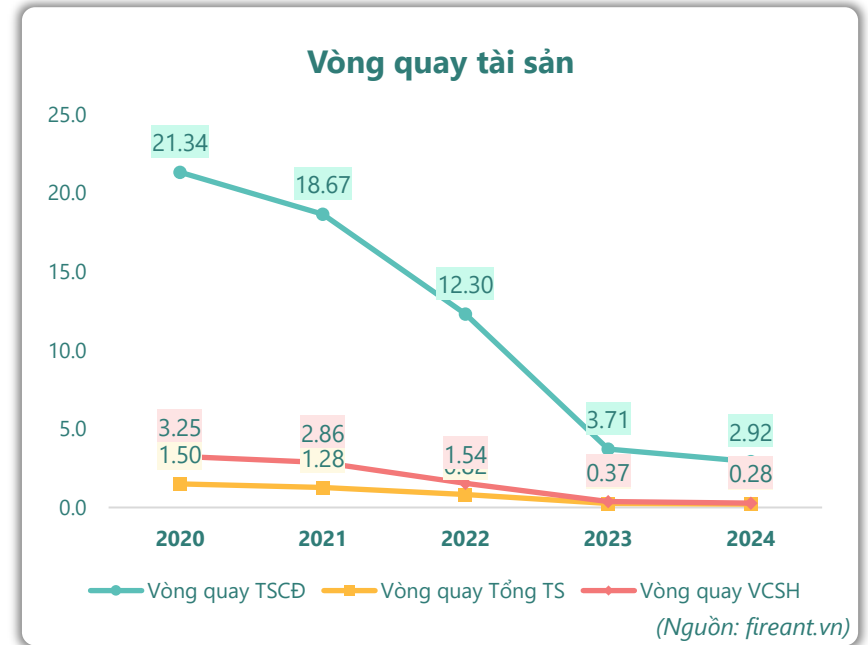
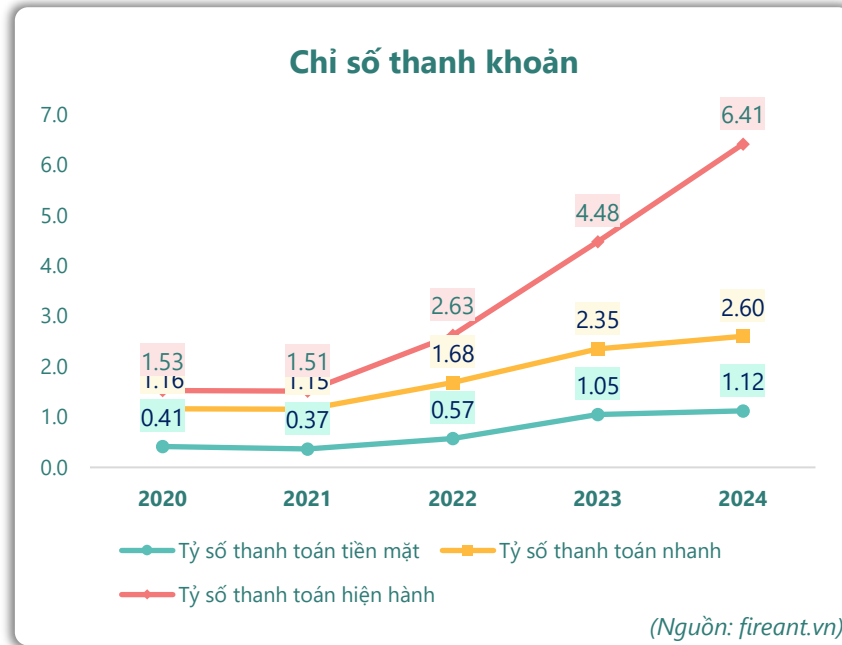
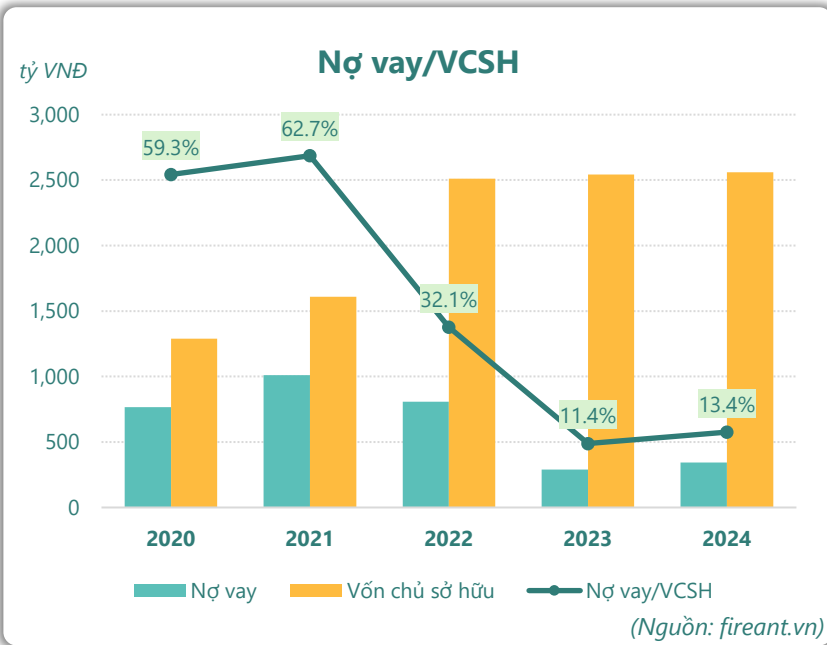
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	129	145	-11.1%	255	367	-30.4%
Giá vốn hàng bán	118	124	-5.1%	221	298	-25.9%
Lợi nhuận gộp	11.3	21.1	-46.4%	34.1	68.3	-50.1%
Doanh thu HĐTC	15.0	20.1	-25.3%	30.8	28.5	8.1%
Chi phí TC	24.0	14.2	69.4%	26.0	21.3	22.0%
Chi phí lãi vay	7.37	0.98	652%	7.37	1.76	320%
LN trong công ty LKLD	-0.02	-0.03	30.1%	-0.02	-0.03	17.6%
Chi phí bán hàng	1.18	0.83	41.7%	2.20	2.54	-13.7%
Chi phí QLDN	57.0	38.5	48.1%	87.0	81.5	6.7%
LN thuần từ HĐKD	-55.9	-12.4	-351%	-50.4	-8.63	-484%
Lợi nhuận khác	-13.5	22.1	-161%	-13.7	27.2	-150%
LN trước thuế	-69.4	9.73	-813%	-64.1	18.6	-445%
Lợi nhuận sau thuế	-71.7	3.75	-2011%	-69.6	11.0	-734%
LNST của CĐ cty mẹ	-70.7	3.65	-2037%	-67.8	8.84	-868%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-65.6	14.9	-37.6	-70.2	-86.0	-211
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-48.2	-23.4	-29.7	126	-245	43.8
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	88.1	11.5	-62.1	15.6	303	59.5
Tiền đầu kỳ	565	539	542	413	484	456
Lưu chuyển tiền thuần	-25.7	3.01	-129	71.7	-28.1	-108
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.05	-0.03	0.08	0	0.04
Tiền cuối kỳ	539	542	413	484	456	349

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,475	3,262	6.5%
Tài sản ngắn hạn	2,978	2,771	7.5%
Tiền và tương đương tiền	349	484	-28.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	507	280	80.9%
Phải thu ngắn hạn	285	272	4.9%
Hàng tồn kho	1,768	1,647	7.3%
Tài sản ngắn hạn khác	69.1	87.7	-21.1%
Tài sản dài hạn	497	491	1.2%
Phải thu dài hạn	2.12	2.06	3.0%
Tài sản cố định	234	238	-1.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	52.7	37.3	41.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	44.8	44.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	79.6	76.9	3.5%
Lợi thế thương mại	83.8	91.9	-8.8%
Nợ phải trả	1,001	701	42.7%
Nợ ngắn hạn	386	432	-10.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	138	76.5	79.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	92.3	242	-61.8%
Nợ dài hạn	615	269	128%
Vay và nợ thuê dài hạn	612	267	129%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,474	2,561	-3.4%
Vốn chủ sở hữu	2,474	2,561	-3.4%
Vốn điều lệ	1,016	1,016	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

